

Bản án: 133/2020/DS-PT
Ngày 27- 5 - 2020
V/v tranh chấp đền bù tiền công
sức giữ gìn đất và đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huỳnh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp đền bù tiền công sức giữ gìn đất và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: số 44/B, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Thị N - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1957; địa chỉ: số nhà 27/28, khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Lê Kim Ph, sinh năm 1957, địa chỉ: số nhà 27/28, khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Ông Bùi Phương Tr, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 27/28, khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Duy B, sinh năm 1990; địa chỉ: số 44/B, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Đặng Duy T, sinh năm 1997; địa chỉ: số 44/B, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Bùi Văn Kh, sinh năm 1946; địa chỉ: 26/10, khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương(xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1951; địa chỉ: 06/9, khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

5. Bà Bùi Thị Ng1, sinh năm 1953; địa chỉ: 02C, khu phố 6, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người kháng cáo:Bà Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Htrình bày:

Phần đất 6.172m² (thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 94), tọa lạc khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương, ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/6/1997 và đổi sổ vào ngày 30/12/2002, hiện nay ông H1 đang quản lý sử dụng là có nguồn gốc của cha mẹ bà H và ông H1. Phần đất này, trước đây vào năm 2001 mẹ bà H đã cho bà H phần đất này (nhưng khi cho chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì) nên thời gian này bà H quản lý đất cho đến năm 2014. Sau đó, mẹ của bà H làm giấy tờ cho ông H1 phần đất này nên ông H1 làm thủ tục để xin Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, từ năm 2001 cho đến năm 2014, bà H sử dụng phần đất này, nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1 trả tiền công sức gìn giữ đất cho bà H từ đầu năm 2001 cho đến tháng 5 năm 2014, với số tiền là 644.000 đồng, được tính như sau: 181 tháng (13 năm, 5 tháng) x 4.000.000 đồng/tháng.

Đồng thời trong quá trình bà H ở trên đất này thì ông Tr (con ông H1) và bà Ph (vợ ông H1) đến lấy 1.640.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999 của bà H. Sự việc này bà H có báo với chính quyền địa phương là tổ trưởng tổ dân phố bà Th, nhưng không có lập biên bản. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Tr và bà Ph phải trả cho bà H số tiền 1.640.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999.

Nguyên đơn khởi kiện không có cung cấp giấy tờ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Bùi Văn H1, Bà Lê Kim Phtrình bày:

Phần đất 6.172m² (thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 94), tọa lạc khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bình Dương là có nguồn gốc ông H1 khai phá và sau đó năm 1997, ông H1 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 03/6/1997, ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 151.184m² và đến năm 2002, ông H1 xin đổi sổ và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp lại vào ngày 30/12/2002. Vì vậy, ông H1 xác định đất này của vợ

chồng ông H1 nên trực tiếp sử dụng từ lúc khai phá cho đến nay, có trồng cây ăn trái trên đất này. Vợ chồng ông H1 không có thuê mướn hay nhờ bà H trông coi gìn giữ đất này nên bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 phải trả tiền công sức gìn giữ đất từ năm 2001 cho đến năm 2014, với số tiền 644.000.000 đồng thì vợ chồng ông H1, bà Ph không chấp nhận.

Ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Bùi Phương Tr, Bà Lê Kim Phtrình bày:

Ông Trung và bà Ph không có lấy tiền, vàng hay bất cứ tài sản nào của bà H nên ông Tr và bà Ph không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. ông Tr và bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Duy B và ông Đặng Duy T trình bày:

Thông nhất như ý kiến của bà H (mẹ của ông B và ông T). ông B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31-10-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37; các Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 167 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với các bị đơn ông Bùi Văn H1, Bà Lê Kim Ph, ông Bùi Phương Tr về việc tranh chấp đền bù tiền công sức giữ gìn đất và đòi tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H1 đền bù công sức giữ gìn diện tích 6.172m² từ năm 2001 đến tháng 5/2014 là 644.000.000 đồng. Buộc ông H1, bà Ph và ông Tr có trách nhiệm liên đới bồi thường tài sản bị phá hỏng và mất là 13.040.000 đồng. Đồng thời, bà H xin miễn toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bởi vì từ năm 2001 vợ chồng bà đã đến ở tại căn nhà do mẹ bà cho để làm công nhân Công ty C. Đến năm 2003, gia đình bà được cấp sổ hộ khẩu tại thị trấn Dầu

Tiếng. Trong quá trình sử dụng bà có trồng thêm cây ăn trái và tu sửa nhà cửa. Ông H1 đã tự đi đăng ký kê khai diện tích đất mà mẹ của bà H đã cho bà H là không đúng. Ngoài ra, toàn bộ số tiền thu hoa lợi trên đất trong quá trình sử dụng gia đình bà H đã đưa cho mẹ bà quản lý nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là không đúng. Hiện nay gia đình bà H đang rất khó khăn nên xin Tòa án cho miễn án phí.

Bị đơn ông Bùi Văn H1 trình bày: Phần đất 6.172m² có nguồn gốc ông H1 khai phá sử dụng từ trước đến nay và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Ông H1 không có thuê mướn hay nhờ bà H trông coi gìn giữ đất này nên việc bà H yêu cầu trả tiền công sức gìn giữ đất từ năm 2001 cho đến năm 2014, với số tiền 644.000.000 đồng thì các bị đơn không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đúng bản chất vụ án, không xem xét quá trình sử dụng đất. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bà Th, tổ trưởng tổ dân phố để bác đơn khởi kiện của bà H là không khách quan. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới về tiền công sức giữ gìn đất, cũng như việc đòi lại tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H về yêu cầu đền bù tiền công sức giữ gìn đất và đòi tài sản. Về án phí sơ thẩm, bà H có đơn xác nhận gia đình khó khăn nên đề nghị giảm án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Văn H1, Bà Lê Kim Ph, ông Bùi Phương Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Kh, ông Đặng Duy B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ng, bà Bùi Thị Ng1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có trình bày bà Bùi Thị Ng1 chết. Hội đồng xét xử xét thấy chưa có căn cứ xác định bà Nga chết. Tuy nhiên, việc bà Nga

không có mặt tại phiên toà phúc thẩm không ảnh hưởng đến đường lối xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phần đất 6.172m² (thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 94), tọa lạc khu phố 2, thị trấn D, huyện Đ, Toà án cấp sơ thẩm nhận định có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Tại phiên toà phúc thẩm bà H thừa nhận khu đất này ông H1 đã được cha mẹ cho khai phá sau giải phóng. Đến năm 1997 ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở dĩ có thời gian khoảng năm 2002 vợ chồng bà H, ông Bảy có ở trên phần đất này là do bà H là em ruột của ông H1 nên ông H1 cho vợ chồng bà H, ông Bảy ở nhờ trên đất này để đi làm Công ty C. Nguyên đơn bà H cho rằng, bà H ở trên đất có công sức gìn giữ đất nên yêu cầu ông H1 phải trả tiền công gìn giữ đất này cho bà H. Lời trình bày của bà H không được ông H1 thừa nhận và bà H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, yêu cầu đền bù tiền công sức giữ gìn đất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu bà Ph và ông Tr phải trả số tiền 1.640.000đồng và 3,5 chỉ vàng 24k, vì ông Tr và bà Ph đến nhà bà H lấy tài sản này là không có căn cứ, vì bà Ph và ông Tr xác định không có lấy tài sản gì của bà H, bà H khởi kiện không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên có lời khai của bà H cho rằng sự việc này có bà Th trưởng khu phố biết nhưng Tòa án đến gặp trực tiếp bà Th để xác minh lời khai của bà H nói có đúng sự thật hay không thì bà Th cung cấp thông tin cho Tòa án biết là bà Th hoàn toàn không biết sự việc này cho nên yêu cầu của bà H buộc ông Tr và bà Ph phải trả số tiền 1.640.000đồng và 3,5 chỉ vàng 24k là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, bà H cũng như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H đối với số tiền đền bù công sức giữ gìn đất và đòi tài sản theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bà H xuất trình chứng cứ mới xác định gia đình bà H là hộ nghèo. Do đó Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 167 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về án phí; không chấp nhận các nội dung kháng cáo khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với các bị đơn ông Bùi Văn H1, Bà Lê Kim Ph, ông Bùi Phương Tr về việc tranh chấp đền bù tiền công sức giữ gìn đất và đòi tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hạnh không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Hạnh 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0026920 ngày 08/01/2019 và biên lai thu số 0027156 ngày 11/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Các đương sự (9);
- Lưu HS (2). VP(6). 21b (BA36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh